

Số: /KH-UBND

Lào Cai, ngày tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2025

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội Phê chuẩn chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Quyết định số 778/QĐ-

TTg ngày 16/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 của các Bộ, cơ quan ở Trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 04/2025/TT-BD TTG ngày 24/6/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư 05/2025/TT-BD TTG ngày 24/6/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 274/TB-UBND ngày 24/02/2025 của Ủy ban Dân tộc, về việc thông báo giao một số chỉ tiêu, mục tiêu chủ yếu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 30/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái (cũ) quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 30/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về giao Hội đồng nhân dân huyện Văn Chấn, Hội đồng nhân dân huyện Văn Yên thực hiện cơ chế thí điểm trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 19/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai (cũ) quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban

hành quy định một số nội dung về cơ chế thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 19/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 11 của quy định một số nội dung về cơ chế thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 15/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định một số nội dung về cơ chế thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 08/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Căn cứ Quyết định số: 475/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Lào Cai về kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và năm 2025, trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Trên cơ sở đề nghị của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh tại Tờ trình số 10/TTr-SDTTG ngày 05/8/2025. Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2025 (*viết tắt là Chương trình*), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm tiếp tục chỉ đạo triển khai kịp thời, có hiệu quả hoàn thành toàn diện các mục tiêu của Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030: giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Thông báo số 274 /TB-UBND ngày 24/02/2025 về việc giao một số mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc

thiểu số; xác định nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị, địa phương trong triển khai Chương trình; đảm bảo sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, hiệu quả và kịp thời giữa các sở, ban, ngành, UBND xã, phường trong công tác tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp quản lý, tổ chức triển khai thực hiện, phấn đấu hoàn thành mục tiêu của Chương trình. Cụ thể hóa việc triển khai thực hiện các nội dung, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình trên địa bàn tỉnh trong năm 2025 đảm bảo đúng tiến độ, hiệu quả làm cơ sở để xác định phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu của Chương trình thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân đối với công tác dân tộc và chính sách dân tộc, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần; từng bước chuyển đổi cơ cấu kinh tế hợp lý, tổ chức các hình thức sản xuất phù hợp, góp phần giảm nghèo bền vững.

2. Yêu cầu

- Các sở, ban, ngành, xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ và kết quả hoàn thành nhiệm vụ của Chương trình 6 tháng đầu năm, nhu cầu của người dân thuộc đối tượng thụ hưởng các dự án, tiểu dự án được giao có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện các dự án, chính sách hỗ trợ đảm bảo cụ thể, chi tiết, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương; đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng, phù hợp với điều kiện, khả năng, nguồn lực thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng chi tiết tiến độ thực hiện các nội dung của Chương trình đảm bảo việc triển khai đạt hiệu quả, thiết thực và toàn diện. Xác định nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị, địa phương trong triển khai Chương trình; đảm bảo sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, hiệu quả và kịp thời giữa các Sở, ngành, UBND các xã, phường trong công tác tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp quản lý, tổ chức triển khai thực hiện, phấn đấu hoàn thành mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 và cả giai đoạn 2021 - 2025.

- Việc triển khai thực hiện đảm bảo đúng nguyên tắc, công khai, dân chủ; thực hiện phân cấp, phân quyền, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng thế mạnh, nhu cầu thiết yếu của từng địa phương và đảm bảo sự thống nhất trong quá trình thực hiện.

- Bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ, hiệu quả, không bỏ sót, chồng chéo công việc giữa các cơ quan cấp tỉnh và UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện Chương trình.

- Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2025 và của Chương trình trong cả giai đoạn 2021-2025; không để nợ đọng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, đảm bảo tỷ lệ giải ngân vốn hàng tháng, quý, năm theo yêu cầu.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện

Trên địa bàn các xã, phường, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó, ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho các địa bàn đặc biệt khó khăn (xã ĐBK, thôn ĐBK).

2. Đối tượng

Xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (HTX), các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

Các đối tượng, phạm vi, địa bàn thụ hưởng cụ thể từng Dự án, tiểu Dự án, được quy định tại Quyết định số 1719/QĐTTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

3. Thời gian thực hiện: Năm 2025.

III. MỤC TIÊU THỰC HIỆN

1. Mục tiêu chung

Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh so với bình quân chung của cả nước; quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể đến hết năm 2025

2.1. Chỉ tiêu Trung ương giao (Theo Thông báo số 274/TB-UBDT ngày 24/02/2025 của Ủy ban Dân tộc):

- Tỷ lệ giảm nghèo trong đồng bào DTTS bình quân hàng năm 5-6%
- Số xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn: 61 xã
- Số thôn, bản ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn: 494 thôn
- Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông: 100%
- Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm xã được cứng hóa 70%
- Tỷ lệ số trường, lớp học được xây kiên cố: 100%
- Tỷ lệ trạm y tế được xây dựng kiên cố: 100%
- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp, sử dụng điện lưới quốc gia: 99%
- Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 90%.
 - Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình: 100%.
 - Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được nghe đài phát thanh: 100%.
 - Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường: 98%
 - Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường: 97%
 - Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học cơ sở đến trường: 95%
 - Tỷ lệ học sinh học trong độ tuổi học trung học phổ thông đến trường: 60%
 - Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông: 90%
 - Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế: 98%
 - Tỷ lệ phụ nữ mang thai được khám thai định kỳ (ít nhất 4 lần mang thai kỳ): 80%
 - Tỷ lệ phụ nữ sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự hỗ trợ của nhân viên y tế: 80%
 - Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 15%
 - Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS và đặc thù vùng đồng bào DTTS và miền núi: 50%
 - Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng: 80%
 - Tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng: 50%
- Giải quyết đất ở 46 hộ
- Giải quyết nhà ở: 922 hộ
- Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất: 1143 hộ
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề: 14.193 hộ
- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: 14.007 hộ
- Hỗ trợ xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung: 48 công trình

- Sắp xếp, ổn định dân cư: 2520 hộ
- Đào tạo nghề: 155.418 người
- Hỗ trợ nhựa hóa, bê tông hóa hoặc cứng hóa đường giao thông: 268 km

2.2. Trong đó tập trung phấn đấu hoàn thành 07 chỉ tiêu chung và 05 chỉ tiêu cụ thể đến hết năm 2025:

*** 07 chỉ tiêu chung**

- (1) Số thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn 494 thôn
- (2) Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình 100%.
- (3) Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được nghe đài phát thanh 100%.
- (4) Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông đến trường trên 60%.
- (5) Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế 98%.
- (6) Tỷ lệ phụ nữ có thai được phổ biến kiến thức, khám thai định kỳ trên 80%.
- (7) Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên 50%.

*** 05 nhóm chỉ tiêu cụ thể:**

- + Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất 1143 hộ.
- + Hỗ trợ chuyển đổi nghề 14.193 hộ.
- + Hỗ trợ xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung 48 công trình.
- + Sắp xếp ổn định dân cư 2.520 hộ.
- + Đào tạo nghề 155.418 người.

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

a) Nội dung thực hiện: Hỗ trợ đất sản xuất (Hỗ trợ chuyển đổi nghề) và hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho các hộ theo đối tượng và nhu cầu thực tế trên địa bàn các xã, phường.

b) Kinh phí: Theo các Quyết định phân bổ vốn chi tiết của UBND tỉnh.

c) Phân công thực hiện

- Đơn vị trực tiếp thực hiện: UBND các xã, phường.
- Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các sở ngành, và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

a) Nội dung thực hiện:

- Dự án sắp xếp dân cư tập trung: tập trung hoàn thiện các thủ tục để sớm khởi công các dự án mới được bổ sung; Tiếp tục thực hiện, hoàn thiện đầu tư cơ

sở hạ tầng thiết yếu để hoàn thành việc bố trí sắp xếp di chuyển, ổn định cho các hộ dân theo kế hoạch.

- Dự án sắp xếp dân cư xen ghép: Tiếp tục rà soát, quy hoạch, tạo quỹ đất để hoàn thành thực hiện bố trí dân cư theo kế hoạch. Lòng ghép thực hiện các nguồn vốn theo chương trình, dự án khác như QĐ 590/QĐ-TTg; khắc phục thiên tai, xoá nhà ở tạm, dột nát trên địa bàn. Phần đầu hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ về số hộ được sắp xếp, ổn định dân cư.

b) Kinh phí: Theo các Quyết định phân bổ vốn chi tiết của UBND tỉnh.

c) Phân công thực hiện:

- Đơn vị trực tiếp thực hiện: UBND các xã, phường.
- Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh phối hợp với sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

a) Nội dung thực hiện

- Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho cộng đồng dân cư, hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người dân tộc Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư trên địa bàn các xã, bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Kinh phí: Theo các Quyết định phân bổ vốn chi tiết của UBND tỉnh.

c) Phân công thực hiện:

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành chức năng đôn đốc, hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện.
- Đơn vị trực tiếp thực hiện: Liên minh Hợp tác xã; Hội Nông dân; Trung tâm Xúc tiến ĐTTM&HTDN (Sở Tài chính) và UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Nội dung thực hiện: Tiếp tục xây dựng các công trình xây dựng mới và các công trình chuyển tiếp; duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư phục vụ sản xuất, đời sống dân sinh, sản xuất thiết yếu trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (ưu tiên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn và các bản ĐBKK thuộc xã khu vực I, II).

b) Kinh phí: Theo các Quyết định phân bổ vốn chi tiết của UBND tỉnh.

c) Phân công thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.
- Đơn vị trực tiếp thực hiện: UBND các xã, phường, các đơn vị liên quan.

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Nội dung thực hiện

- Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.
- Bồi dưỡng kiến thức dân tộc trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa dân tộc thiểu số, chính sách dân tộc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ưu tiên trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.
- Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.
- Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ các cấp triển khai Chương trình theo chuyên đề khung đào tạo của Trung ương và chuyên đề theo đặc thù của địa phương. Trong đó tiếp tục tổ chức các Hội nghị tập huấn về nâng cao năng lực cho Ban giám sát cộng đồng, người dân, người trực tiếp tham mưu thực hiện chương trình, ưu tiên những thôn, xã trực tiếp thực hiện những nội dung, tiểu dự án, dự án thành phần của chương trình và tổ chức các đoàn đi học tập, trao đổi kinh nghiệm tại các tỉnh cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình các cấp.

b) Kinh phí: Theo các Quyết định phân bổ vốn chi tiết của UBND tỉnh.

c) Phân công thực hiện:

- Đơn vị trực tiếp thực hiện: Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các xã, phường.
- Cơ quan chủ trì:
 - + Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với các sở ngành và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện. **Tiểu dự án 1:** Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.
 - + Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các sở ngành và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện. **Tiểu dự án 2:** Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo

dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; **Tiểu dự án 3:** Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh chủ trì phối hợp với các sở ngành, các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện. **Tiểu dự án 4:** Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

a) Nội dung thực hiện

Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận; Tổ chức tập huấn, truyền dạy văn hóa phi vật thể; Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một; Xây dựng mô hình văn hóa các DTTS; Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào DTTS cấp phát cho cộng đồng các DTTS; Bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch; Hỗ trợ đầu tư xây dựng các điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào, dân tộc thiểu số và miền núi tại các xã; Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn (bản) vùng đồng bào DTTS&MN; Hỗ trợ trang thiết bị cho nhà văn hóa; Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể truyền thống; Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho mỗi xã vùng đồng bào DTTS và miền núi.

b) Kinh phí: Theo các Quyết định phân bổ vốn chi tiết của UBND tỉnh.

c) Phân công thực hiện:

- Đơn vị trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch và UBND các xã, phường.

- Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

a) Nội dung thực hiện: Cải thiện sức khỏe của người dân tộc thiểu số và miền núi người dân cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ; tăng cường công tác y tế cơ sở để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Kinh phí: Theo các Quyết định phân bổ vốn chi tiết của UBND tỉnh.

c) Phân công thực hiện:

- Đơn vị trực tiếp thực hiện: Sở Y tế, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan.

- Cơ quan chủ trì: Sở Y tế phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

a) Nội dung thực hiện: Thực hiện chính sách bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn và các thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I, II với các nội dung:

- Tuyên truyền, vận động thay đổi “*nếp nghĩ, cách làm*” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em.

- Xây dựng và nhân rộng mô hình “*nếp nghĩ, cách làm*” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em.

- Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng; giám sát và phản biện hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

- Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

b) Kinh phí: Theo các Quyết định phân bổ vốn chi tiết của UBND tỉnh.

c) Phân công thực hiện:

- Đơn vị trực tiếp thực hiện: Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan.

- Cơ quan chủ trì: Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

a) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn của tỉnh gồm 06 dân tộc Khơ Mú, Giáy, Mông, La Chí, Hà Nhì, Phù Lá đã được phê duyệt theo Quyết định 1227/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện chính sách giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện truyền

thông, tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp, lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em; duy trì và triển khai mô hình tại các xã, huyện, trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao.

b) Kinh phí: Theo các Quyết định phân bổ vốn chi tiết của UBND tỉnh.

c) Phân công thực hiện :

- Đơn vị trực tiếp thực hiện : Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Giáo dục và Đào tạo; Tỉnh đoàn thanh niên; Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; Sở Tư pháp; Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Sở Y tế; UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan.

- Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

a) Nội dung thực hiện

- Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số; truyền thông tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý phục vụ tổ chức triển khai thực Chương trình.

- Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình định kỳ theo kế hoạch và theo các văn bản hướng dẫn của trung ương. Tổ chức lớp tập huấn về Hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, lập biên bản, xử lý tình huống sai phạm; Phân biệt giữa kiểm tra hành chính và kiểm tra thực hiện nội dung Chương trình; Chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn ghi chép, lưu trữ tài liệu.

b) Kinh phí: Theo các Quyết định phân bổ vốn chi tiết của UBND tỉnh.

c) Phân công thực hiện:

- Đơn vị trực tiếp thực hiện: Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Sở Y tế; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tư pháp; Sở Giáo dục và Đào tạo; Liên Minh hợp tác xã; UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan.

- Cơ quan chủ trì:

+ Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì phối hợp với các sở ngành, và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện **Tiểu dự án 1:** Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (Nội dung 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; **Tiểu dự án 2,** Nội dung 02: Tổ chức thực hiện các hoạt động Hội nghị, hội thảo, buổi làm việc trực tuyến của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh; hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Chương trình); **Tiểu dự án 3:** Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.

+ Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các sở ngành và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện **Tiểu dự án 1,** Nội dung 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số và Nội dung 3: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Liên minh hợp tác xã tỉnh chủ trì phối hợp với các sở ngành và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện **Tiểu dự án 2,** Nội dung 04: Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS và miền núi.

V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Tổng nguồn vốn đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết định số: 475/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Lào Cai Về kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và năm 2025, trên địa bàn tỉnh Lào Cai và các Quyết định giao kế hoạch chi tiết thực hiện chương trình của UBND tỉnh.

Tổng số: 1.861.959 triệu đồng

1. Vốn đầu tư phát triển: 1.149.542 triệu đồng.

- Vốn ngân sách trung ương 977.731 triệu đồng.

- Vốn ngân sách địa phương 171.811 triệu đồng.

2. Vốn sự nghiệp: 712.417 triệu đồng.

- Vốn ngân sách trung ương 709.712 triệu đồng.

- Vốn ngân sách địa phương 2.705 triệu đồng.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tiếp tục quán triệt và triển khai có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về công tác dân tộc; trọng tâm là Nghị quyết số 88/2019/QH14 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội.

2. Các sở, ngành, đoàn thể, UBND các xã trên cơ sở nguồn vốn được giao, kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2025, rà soát từng mục tiêu nhiệm vụ và nhu cầu thực tế của các đối tượng, địa bàn thụ hưởng tiến hành xây dựng Kế hoạch chi tiết cụ thể từng Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình để triển khai thực hiện. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch ở các cấp, các ngành; phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý những hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

3. Tập trung phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ trung ương giao:

- Phân đầu xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn

- Về tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình, nghe đài phát thanh: Duy trì truyền hình số mặt đất, truyền hình vệ tinh của Báo Lào Cai (trước là Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh); Đầu tư, nâng cấp, mở rộng cụm thu phát thanh, vùng phủ sóng internet tại các xã, thôn, bản có hộ đồng bào dân tộc thiểu số chưa được nghe, xem phát thanh, truyền hình.

- Về tỷ lệ học sinh học trong độ tuổi học trung học phổ thông đến trường: Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của nhân dân trong việc vận động học sinh trong độ tuổi đến trường, tạo điều kiện cho con em đi học đầy đủ; Tiếp tục phối hợp với ban, ngành, đoàn thể các cấp khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình huy động học sinh đến trường và hạn chế tối đa tình trạng học sinh bỏ học, góp phần cùng với ngành giáo dục hoàn thành mục tiêu đã đề ra.

- Về tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế: Đưa chỉ tiêu tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế vào nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của các địa phương; Duy trì thực hiện chỉ tiêu người dân tham gia bảo hiểm y tế trong Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới các cấp; Tăng cường tuyên truyền, vận động và nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích khi tham gia bảo hiểm y tế bằng nhiều hình thức, sử dụng hiệu quả các phương tiện truyền thông đại chúng, mạng xã hội với các thông tin, thông điệp đơn giản, dễ hiểu; Huy động nguồn lực xã hội hóa và hỗ trợ từ các tổ chức để hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho người dân tộc thiểu số chưa đủ điều kiện tài chính.

- Về tỷ lệ phụ nữ có thai được phổ biến kiến thức, khám thai định kỳ: Triển khai mô hình Chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời cho phụ nữ mang thai, trẻ nhỏ tại các xã khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày

04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức các hoạt động Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho bà mẹ - trẻ nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước, trong và sau sinh nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số.

- Về tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và đặc thù vùng đồng bào DTTS và MN: Cấp ủy, chính quyền các địa phương vùng tiếp tục quán triệt, thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc và công tác giáo dục, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số; triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách của Chính phủ và của tỉnh về giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động ở vùng dân tộc thiểu số; Tiếp tục hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ sở dạy nghề, trung tâm dịch vụ việc làm, các doanh nghiệp, người lao động để nâng cao hiệu quả đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số; gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo và tuyển dụng lao động vùng dân tộc thiểu số; Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo đổi mới chương trình đào tạo, thực hiện phương thức tổ chức đào tạo linh hoạt; gắn đào tạo với nhu cầu tuyển dụng và sử dụng lao động của doanh nghiệp; khuyến khích học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số tham gia nghiên cứu khoa học; tham gia các chương trình khởi nghiệp sáng tạo.

- Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất: Hỗ trợ việc tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ các nông lâm trường quốc doanh, để các địa phương xây dựng phương án sử dụng đất, trong đó ưu tiên việc giao đất sản xuất cho các hộ gia đình thiếu đất sản xuất, đặc biệt là các hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Đề nghị trung ương xem xét, điều chỉnh bổ sung thêm đối tượng cho “Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số; Hộ cận nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn” được thụ hưởng các chính sách.

- Hỗ trợ xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung: Tập trung đầu tư xây dựng mới các công trình cấp nước sạch tập trung phục vụ vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước hợp vệ sinh đời sống của người dân.

- Sắp xếp ổn định dân cư: Ưu tiên sắp xếp ổn định dân cư theo hình thức xen ghép, các hộ bị ảnh hưởng bởi thiên tai, kịp thời thực hiện hỗ trợ các hộ di dời nhà ở đến nơi ở mới.

- Đào tạo nghề: Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, tư vấn cho lao động là người dân tộc thiểu số học nghề phù hợp với khả năng, nhu cầu; tổ chức các lớp đào tạo nghề với chương trình, thời gian đào tạo phù hợp trình độ dân

trí, tâm lý học viên là người dân tộc thiểu số; chú trọng đào tạo những kỹ năng chuyên môn theo yêu cầu cho từng vị trí việc làm.

4. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, công khai minh bạch trong phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân.

5. Các xã, phường chủ động xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh. Thực hiện bình đẳng giới, giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em. Chủ động bố trí ngân sách địa phương, tích cực huy động nguồn lực xã hội hóa; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào DTTS.

6. Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện kinh tế - xã hội, phục vụ đời sống của Nhân dân trên địa bàn tỉnh với trọng tâm là các lĩnh vực: giao thông, thủy lợi, giáo dục và đào tạo, nguồn nhân lực, y tế, văn hóa, du lịch, nước sạch, điện, thông tin truyền thông, các dự án phát triển sản xuất, bảo vệ phát triển rừng, bảo vệ môi trường sinh thái.

7. Các cấp, các ngành thực hiện tốt công tác truyền thông, tuyên truyền chủ động triển khai thực hiện Chương trình; chỉ đạo chính quyền cơ sở phổ biến đầy đủ các chính sách, cơ chế, quy định đến cộng đồng dân cư, người dân tham gia thực hiện Chương trình; tạo điều kiện cho cộng đồng dân cư, người dân tham gia giám sát thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật.

8. Tăng cường nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào DTTS&MN để phục vụ công tác dự báo, hoạch định, quản lý, thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh.

9. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, chống mọi biểu hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Phát huy vai trò hoạt động của Sở Dân tộc và Tôn giáo theo hướng là đầu mối thống nhất theo dõi, tổng hợp các chính sách dân tộc đề xuất và tham gia thẩm định chính sách, các dự án đầu tư liên quan đến vùng đồng bào DTTS&MN.

10. Chỉ đạo thực hiện tốt việc triển khai các chương trình cho vay các đối tượng chính sách, đặc biệt là các chính sách vay vốn cho hộ DTTS là hộ nghèo,

hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo... nhằm góp phần hỗ trợ đồng bào DTTS phát triển kinh tế, ổn định đời sống.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Là cơ quan Chủ trì Chương trình phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các xã, phường hướng dẫn, đôn đốc và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định; kịp thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch (nếu có) cho phù hợp với quy định của Trung ương.

- Chủ trì tổng hợp, xây dựng, đề xuất thực hiện chương trình đảm bảo phù hợp quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Chủ trì thực hiện một số nội dung trong các dự án thành phần thuộc Chương trình được giao theo quy định; phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân các xã, phường rà soát, tổng hợp, đề xuất điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước đối với các nội dung, dự án thành phần thuộc chương trình không còn đối tượng hỗ trợ hoặc không đủ điều kiện để thực hiện (nếu có) và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội bảo đảm theo các quy định của pháp luật”.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG thực hiện công tác giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

2. Sở Tài chính

- Trên cơ sở đề xuất của Sở Dân tộc và Tôn giáo (cơ quan chủ trì chương trình), chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND các xã, phường tham mưu cho UBND tỉnh điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước đối với các nội dung, dự án thành phần thuộc Chương trình mà không còn đối tượng hỗ trợ hoặc không đủ điều kiện để thực hiện (nếu có) và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội bảo đảm theo các quy định của pháp luật”.

- Tiếp tục phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo, các Sở, ban, ngành rà soát, thẩm định phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương, vốn đối ứng thực hiện Chương trình còn lại của năm 2025, phù hợp với tình hình thực tiễn triển khai của địa phương và đảm bảo theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật NSNN.

- Tăng cường hợp tác, huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển; tham mưu cơ chế, chính sách thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Hướng dẫn công tác quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định của Luật NSNN, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn Luật.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện nội dung nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành báo cáo cơ quan quản lý Chương trình. Phối hợp giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

3. Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh, đơn vị được giao kinh phí

- Xác định nhu cầu thực hiện năm 2025, xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện các dự án trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có liên quan đến ngành, lĩnh vực do sở, ban, ngành quản lý.

- Hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình theo quy định của ngành, lĩnh vực chuyên môn.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện nội dung nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành báo cáo cơ quan quản lý Chương trình; Phối hợp giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

- Phát huy vai trò, hiệu quả công tác phối hợp với chính quyền các cấp trong tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện các dự án thuộc Chương trình. Truyền thông, tuyên truyền vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân tham gia Chương trình.

- Tăng cường huy động nguồn lực từ cộng đồng xã hội để thu hút đầu tư vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần thực hiện hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

- Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện nội dung nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành báo cáo cơ quan quản lý Chương trình. Phối hợp giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Khẩn trương xác định nhu cầu, xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, trong đó cần cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ để tổ chức triển khai thực hiện trong năm 2025 đảm bảo quy định, đồng thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Dân tộc và Tôn giáo).

- Tổ chức chỉ đạo và triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, có hiệu quả các dự án thành phần thuộc Chương trình theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành Chương trình trên địa bàn; tập trung ưu tiên và lồng ghép các nguồn vốn khác để phát triển kinh tế - xã

hội của địa phương. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong thực hiện các chương trình. Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tránh thất thoát.

- Thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra, giám sát trong thực hiện Chương trình tại cơ sở; Tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình triển khai thực hiện về cơ quan quản lý Chương trình, cơ quan chủ trì theo dõi các Dự án, Tiểu Dự án thành phần.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2025. Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, UBND các xã, phường, các đơn vị chủ đầu tư, các đơn vị có liên quan được giao nhiệm vụ triển khai các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động báo cáo, đề xuất kịp thời về Sở Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Văn phòng ĐPTU Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng DTTS và MN;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- Chánh VP, các Phó CVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, XD, NC (Huấn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Phước